

ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII VÀ KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

NHẬN THỨC LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ NHÂN DÂN VÀ SỨC MẠNH CỦA NHÂN DÂN TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Trần Thị Minh Tuyết^(*)

^(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Email: tuyetminh1612@gmail.com

Tóm tắt: Trên cơ sở vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tổng kết thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã được xác định ngày càng rõ hơn. Chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng nên lý luận về nhân dân và sức mạnh của nhân dân chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống lý luận của Đảng. Trong bài viết này, tác giả muốn làm rõ một số nhận thức cơ bản của Đảng về nhân dân với tư cách là chủ thể trung tâm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Từ khóa: nhận thức lý luận, nhân dân, sức mạnh của nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam, thời kỳ quá độ, đổi mới.

Ngày nhận bài: 29/04/2023; ngày phản biện: 04/05/2023; ngày sửa chữa: 05/06/2023; ngày duyệt đăng: 15/01/2024.

1. Mở đầu

Nói về vai trò dẫn đường của lý luận cách mạng, V.I.Lênin nhấn mạnh: “không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng” (V.I.Lênin 1974: 575). Thành tựu của cách mạng Việt Nam nói chung, của sự nghiệp *đổi mới* nói riêng gắn liền với những thành tựu của Đảng trên phương diện lý luận. Nhận thức về nhân dân

không chỉ là một nội dung quan trọng trong lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, mà còn đóng vai trò quyết định đến kết quả của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Việc tìm hiểu nhận thức của Đảng về nhân dân và sức mạnh của nhân dân trong thời kỳ quá độ, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, không chỉ góp phần khẳng định sự trưởng thành của Đảng

trên phương diện lý luận, mà còn gọi mở định hướng phát triển lý luận và chỉ đạo thực tiễn của Đảng trong giai đoạn mới.

2. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - cơ sở lý luận trong nhận thức của Đảng về nhân dân và sức mạnh của nhân dân

Dựa trên phương pháp luận duy vật lịch sử, chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, quần chúng nhân dân là người sáng tạo chân chính của lịch sử. Vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong sự phát triển xã hội được C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin nhìn nhận từ nhiều góc độ. Trước hết, quần chúng nhân dân là lực lượng sản xuất ra của cải vật chất bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Họ cũng là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội để thúc đẩy tiến trình lịch sử đi lên và sáng tạo ra các giá trị văn hóa tinh thần.

Là người cộng sản chân chính, Hồ Chí Minh đã kế thừa quan điểm về quần chúng nhân dân của chủ nghĩa Mác - Lênin trên tinh thần sáng tạo. V.I.Lênin nhấn mạnh *tính giai cấp* trong khái niệm quần chúng khi coi “quần chúng là đa số, và hơn thế nữa chẳng những chỉ là đa số công nhân, mà là đa số tất cả những người bị bóc lột” (V.I.Lênin 1978: 38). Còn đối với Hồ Chí Minh,

Người nhấn mạnh *tính dân tộc* khi định nghĩa: “nhân dân là bốn giai cấp công, nông, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và những phần tử khác yêu nước” (Hồ Chí Minh 2011c: 264); chỉ bọn “bán nước, hại dân” mới không đứng trong hàng ngũ nhân dân. Nhận thức rõ vai trò to lớn, sức mạnh quật cường của nhân dân, Hồ Chí Minh khẳng định: “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” (Hồ Chí Minh 2011d: 453); “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào” (Hồ Chí Minh 2011e: 672).

Hồ Chí Minh nhìn thấy ở nhân dân *động lực cách mạng* to lớn; bởi họ có lòng yêu nước tha thiết, có trí tuệ để giải quyết những thách thức của lịch sử và sức sống mãnh liệt, không kẻ thù nào có thể tiêu diệt. Với chủ nghĩa nhân văn cao cả, Hồ Chí Minh xác định: nhân dân là *mục tiêu của cách mạng*; lợi ích của dân là lý tưởng của Đảng. Người nhấn mạnh: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng” (Hồ Chí Minh 2011a: 289). Người yêu cầu các tổ chức Đảng, chính quyền các cấp và toàn thể cán bộ, đảng viên phải coi “ý dân là ý trời”, luôn hành động theo

phương châm việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh.

Hồ Chí Minh cũng luôn khẳng định: sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ niềm tin và sự ủng hộ của dân. Người viết: “khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn” (Hồ Chí Minh 2011b: 270). Vì thế, “Đảng Lao động Việt Nam sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân” (Hồ Chí Minh 2011b: 50). Nhà nước mà Đảng xây dựng, kiến thiết phải là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Cán bộ, đảng viên của Đảng phải thực sự gần dân, hiểu dân, thương dân, tin dân, học dân, trọng dân. Từ đó, Người đưa ra phương châm: “sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng” (Hồ Chí Minh 2011a: 330).

Quan điểm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhân dân, về sức mạnh của nhân dân là nền tảng để hình thành đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về quần chúng trong các giai đoạn khác nhau.

3. Nhận thức của Đảng về nhân dân và sức mạnh của nhân dân trong thời kỳ quá độ - một số nội dung cơ bản

Một trong những đóng góp lớn nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin chính là học thuyết về hình thái kinh tế xã hội. Theo học thuyết này, thời kỳ quá độ cũng là tất yếu khách quan trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội. Do chủ nghĩa xã hội là một xã hội khác về “chất” so với tất cả các xã hội tồn tại trước đó, cho nên để đi đến nó, cần có thời kỳ chuyển tiếp mang tính quá độ. C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định: “giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995: 47) với sự “giao thoa” giữa cái cũ vừa “thoát thai” và cái mới đang hình thành. Nói về thời kỳ quá độ, V.I.Lênin viết: “về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định. Thời kỳ đó không thể không bao gồm những đặc điểm hoặc đặc trưng của cả hai kết cấu kinh tế xã hội ấy. Thời kỳ quá độ ấy không thể nào lại không phải là một thời kỳ đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản đang giãy chết và chủ nghĩa cộng sản đang phát sinh, hay nói một cách khác, giữa chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn, và chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng vẫn còn rất non yếu” (V.I.Lênin 1977: 309-310). V.I.Lênin còn gọi thời kỳ quá độ là

“những cơn đau đẽ kéo dài” (V.I.Lênin 1976: 223); nhưng, dài đến mức nào, hình thức quá độ *trực tiếp hay gián tiếp* thì phải căn cứ vào việc nước đó đã trải qua quá trình phát triển tư bản chủ nghĩa hay chưa và chủ nghĩa tư bản ở đó phát triển đến mức nào.

Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và đứng vững trên điều kiện thực tiễn của Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ ở Việt Nam. Người chỉ rõ, thời kỳ quá độ ở Việt Nam thuộc loại hình *quá độ gián tiếp*, cụ thể là: tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, *tiến dần* lên chủ nghĩa xã hội. Người nhìn thấy *đặc điểm to nhất* của thời kỳ quá độ ở Việt Nam từ góc độ kinh tế: “từ một nước nông nghiệp lạc hậu *tiến thẳng* lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” (Hồ Chí Minh 2011e: 411). *Hai mâu thuẫn* lớn nhất của thời kỳ quá độ ở Việt Nam chính là mâu thuẫn giữa tiêu chí cần đạt được của chủ nghĩa xã hội và xuất phát điểm thấp của Việt Nam; mâu thuẫn giữa ý chí xây dựng chủ nghĩa xã hội của toàn Đảng, toàn dân và sự chống phá quyết liệt của các lực lượng thù địch. Người cũng chỉ rõ nhiệm vụ của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là xây dựng xã hội mới và cải tạo

xã hội cũ. Trong đó, xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt, lâu dài. Loại hình, đặc điểm, mâu thuẫn và nhiệm vụ to lớn cần thực hiện đã quy định tính chất *khó khăn, phức tạp, lâu dài của thời kỳ quá độ ở Việt Nam*. Trong *Di chúc* để lại, Người gọi đó “là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân” (Hồ Chí Minh 2011f: 617). Quan điểm của Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ chính là cơ sở lý luận để hình thành đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Sau khi đất nước thống nhất, cả nước cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng do nhiều nguyên nhân, đất nước rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Còn trên thế giới, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ và Liên Xô đứng trước nguy cơ sụp đổ. Trước “cơn địa chấn” đó, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Đại hội VII (năm 1991) của Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và sau 20 năm thực hiện, Đại hội XI (năm 2011) thông qua *Cương lĩnh bổ sung, phát triển*. Đảng khẳng định: xây dựng chủ

nghĩa xã hội “là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua *một thời kỳ quá độ* lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 70).

Tính từ năm 1975 đến nay, thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã kéo dài gần nửa thế kỷ. Đó chính là hiện thực sinh động để Đảng từng bước hình thành nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, nhận thức là một quá trình. Vì thế, trong quá trình đổi mới đất nước, trước hết Đảng phải đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ở đó, nhân dân chính là lực lượng xây dựng chủ nghĩa xã hội và “những khả năng tiềm tàng trong nhân dân là vô tận” (Hồ Chí Minh 2011e: 501). Để đề ra đường lối đúng quy luật, hợp lòng dân và thuận thời đại, Đảng đã từng bước hình thành những nhận thức mới về nhân dân. Lý luận của Đảng về nhân dân và sức mạnh của nhân dân, tựu chung, kết tinh ở một số nội dung lớn sau đây:

Thứ nhất, lợi ích của nhân dân chính là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở

Việt Nam. Hồ Chí Minh cho rằng: “chủ nghĩa xã hội là làm sao cho *dân giàu nước mạnh*” (Hồ Chí Minh 2011d: 390), là nền tảng cho nhận thức từng bước của Đảng về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội nói chung, *đổi mới* nói riêng. Lúc đầu, trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đại hội Đảng VI chỉ đề ra mục tiêu “vừa sức” là “sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy. Hướng mọi cố gắng vào việc đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu của xã hội, dần dần ổn định và tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2006b: 376). Đến năm 1988, trước sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tư nhân khi nó được thừa nhận, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đưa ra quan điểm: “dân giàu thì nước mạnh”; chúng ta không nên sợ dân giàu lên và kỳ thì sự làm giàu của dân, miễn là họ làm ăn đúng pháp luật (Xem Đảng Cộng sản Việt Nam 2006c: 55). Sự trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh đã giúp Đại hội Đảng VII khẳng định: “các chủ trương đổi mới đều phải nhằm phục vụ mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho *dân giàu, nước mạnh*” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2007a: 83). Do bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội và đặc tính xã hội có ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân, đến Đại hội

Đảng VIII, Đảng ta đã bổ sung đặc tính xã hội vào mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và tạo thành chuỗi giá trị “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2007b: 199). Tại Đại hội Đảng IX, Đảng đã xác định rõ: Việt Nam trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội chỉ “*bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa*, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2016: 130). Do đó, kinh tế thị trường, dân chủ, nhà nước pháp quyền, quyền con người là những giá trị chung của nhân loại mà chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cần hướng tới. Trên nền cơ sở đó, Đại hội Đảng IX đã đưa “dân chủ” trở thành một mục tiêu trong hệ mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, *dân chủ*, văn minh” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2016: 131). Đến Đại hội Đảng XI, Đảng đã đưa dân chủ lên *vị trí mới* trong hệ giá trị mục tiêu và từ đây, “Dân giàu, nước mạnh, xã hội *dân chủ*, công bằng, văn minh” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 70) chính là mục tiêu chung và đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Như vậy, nhận thức của

Đảng về mục tiêu tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã được hình thành trên tinh thần bảo đảm lợi ích ngày càng đầy đủ của nhân dân.

Thứ hai, “lấy dân làm gốc”, quán triệt quan điểm “dân là gốc”, phát huy quyền làm chủ của dân là kinh nghiệm nhất quán của hầu hết các kỳ Đại hội thời kỳ đổi mới. Kế thừa tư tưởng “nước lấy dân làm gốc” (Hồ Chí Minh 2011a: 501) của Hồ Chí Minh, Đại hội Đảng VI đã coi quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc” là kinh nghiệm đầu tiên và kinh nghiệm này được tái khẳng định trong hầu hết các kỳ Đại hội Đảng (trừ Đại hội VII và Đại hội XI). “Lấy dân làm gốc” không chỉ là *dựa vào dân*, khai thác tiềm lực vô tận trong dân mà còn là *lấy lợi ích của dân làm mục tiêu tối thượng*. Đến Đại hội XII và Đại hội XIII, Đảng rút ra kinh nghiệm là cần quán triệt và quán triệt sâu sắc *quan điểm “dân là gốc”*. Sự chuyển đổi từ “lấy dân làm gốc” sang “*dân là gốc*” thể hiện bước tiến trong quá trình nhận thức của Đảng về dân: “Dân là gốc” là một quy luật khách quan; luôn tồn tại không phụ thuộc vào ý chí của bất cứ ai. Ngược lại, Đảng muốn thành công thì phải hành động theo đúng quy luật khách quan đó. Tiếp tục phát triển quan điểm “*dân là gốc*”, Đại hội XIII lần đầu tiên xác định “*nhân dân là trung tâm*,

là *chủ thể* của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021a: 27-28). Do đó, sự lãnh đạo của Đảng phải hướng vào vị trí trung tâm là nhân dân, phải khơi thông những nguồn lực và sự sáng tạo của nhân dân, tạo sự chuyển động tích cực của nhân dân. Sau Đại hội XIII, trong bài phát biểu ngày 16-08-2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tiếp tục nhấn mạnh: “Đảng và Nhà nước đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân; khẳng định “vai trò chủ thể, vị trí trung tâm” của nhân dân trong toàn bộ quá trình xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc” (Nguyễn Phú Trọng 2022: 106). Tiến trình phát triển quan điểm “lấy dân là gốc” thành quan điểm “dân là gốc” và dân giữ vị trí *chủ thể, trung tâm* của sự nghiệp cách mạng của Đảng đã thể hiện Đảng nhận thức ngày càng sâu sắc về vị thế của dân trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thứ ba, tính chất nhân dân trong đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từng bước được gia tăng. Trước sự đổ vỡ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và nguy cơ đổ vỡ của Liên Xô, Đảng ta nhận thấy, phải xây dựng *mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam*. Trên cơ sở

vận dụng các nguyên tắc phổ quát của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) đã xác định 6 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng, trong đó, 2 đặc trưng trực tiếp thể hiện đặc tính nhân dân của chế độ: (1) Do nhân dân lao động làm chủ; (2) Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Sau 25 năm Đổi mới và 10 năm thực hiện *Cương lĩnh 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* được thông qua tại Đại hội lần thứ XI đã điều chỉnh 1 đặc trưng và bổ sung 2 đặc trưng mới. Nội dung được điều chỉnh chính là: thay đặc trưng “do nhân dân lao động làm chủ” bằng đặc trưng “do nhân dân làm chủ”. Sự thay đổi này đã mở rộng nội hàm nhân dân, xóa bỏ sự kỳ thị giai cấp và thể hiện chủ trương mới của Đảng là phải thu hút thành phần kinh tế “tư nhân” cùng đội ngũ doanh nhân và người Việt Nam ở nước ngoài vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngoài việc đưa mục tiêu bao trùm của chủ nghĩa xã hội là “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, nhân văn” thành đặc trưng tổng quát của chủ

nghĩa xã hội ở Việt Nam, *Cương lĩnh năm 2011* bổ sung thêm đặc trưng mới: có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Sự bổ sung đặc trưng này thể hiện sự phân định rõ nét của Đảng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa so với nhà nước pháp quyền tư bản chủ nghĩa. Nếu pháp quyền tư bản chủ nghĩa là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của “số ít” giàu có trong xã hội thì pháp quyền xã hội chủ nghĩa là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân. Nói về ý nghĩa của đặc trưng này của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã viết: “chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có” (Nguyễn Phú Trọng 2022: 21-22). Việc điều chỉnh và bổ sung thêm 2 đặc trưng mới của *Cương lĩnh năm 2011* đã làm gia tăng tính nhân dân của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thứ tư, vai trò của nhân dân ngày càng được đề cao. Lịch sử đã kiểm chứng vai trò động lực của nhân dân. Nhân dân, dù với tư cách cộng đồng hay cá nhân, đều là lực lượng to lớn của chiến tranh giải phóng dân tộc và công

cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Ngay trong sự nghiệp *đổi mới* đất nước, vai trò của nhân dân rất quan trọng. Khác với cải tổ ở Liên Xô, *đổi mới* của Việt Nam là đổi mới từ cơ sở với vai trò quyết định của người dân. Tại Đại hội Đảng VIII, Đảng ta thừa nhận: “chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2015a: 360). Đảng ta còn ghi nhận, “trong hoàn cảnh Đảng có sai lầm, khuyết điểm, nhân dân vẫn thiết tha mong đợi Đảng khắc phục sai lầm, đưa đất nước tiến lên” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2006b: 362-363). Tấm lòng độ lượng của dân đã thể hiện nhân dân là lực lượng trung thành, bền bỉ của Đảng. Khi Đại hội XIII đề ra quan điểm chỉ đạo “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” thì thực chất, đó chính là chủ trương phát huy động lực nhân dân trong hoàn cảnh hiện nay.

Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, rằng nhân dân không chỉ là động lực mà còn là mục tiêu của cách mạng, nhận thức

của Đảng về nhân dân với tư cách là *mục tiêu* ngày càng đầy đủ. Tại Đại hội Đảng VI - Đại hội mở ra thời kỳ Đổi mới, Đảng ta đã khẳng định: “Đảng ta không có mục đích nào khác là đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2006b: 362). Do đó, đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; mục tiêu cao nhất của đổi mới là đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần ngày càng được nâng cao cho nhân dân. Từ khi ra đời, Đảng luôn coi hạnh phúc của dân là mục tiêu phấn đấu, nhưng đây là lần đầu tiên, ở Đại hội Đảng XIII, Đảng coi việc “nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021a: 202) là nhiệm vụ trọng tâm. Nói về mục tiêu vì con người, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé”, vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá

nhân và các phe nhóm” (Nguyễn Phú Trọng 2022: 21). Việc đề cao hạnh phúc của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm đích cần hướng đến của mọi chủ trương, chính sách đã thể hiện bước phát triển mới trong nhận thức của Đảng về nhân dân với tư cách mục tiêu của cách mạng.

Từ lời dặn của Hồ Chí Minh là phải dựa vào dân mà xây dựng Đảng, trong thời kỳ đổi mới, Đảng nhận thức ngày càng rõ *vai trò của dân trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng*. Từ năm 1999, Đảng đã xác định rõ: “xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng và cũng là nguyện vọng, trách nhiệm của toàn dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2015b: 623). Sau đó, một loạt các quyết định nhằm hiện thực hóa quan điểm đã được ban hành: Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 3/10/2017 của Ban Bí thư ban hành Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Quy định số 124-QĐ/TW ngày 2/2/2018 của Ban Bí thư về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng

viên... Đại hội XIII lần đầu tiên đưa quan điểm “dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021b: 248) vào phương hướng nhiệm vụ, giải pháp thứ 8 của công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII. Việc nhấn mạnh phải nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ cũng là điểm mới trong nhận thức của Đảng.

Đảng cũng chủ trương *phát huy vai trò của nhân dân vào việc xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc*. Từ nhận thức “*nhân dân là lực lượng chủ đạo trong việc thực hiện các giải pháp*”, Đại hội XIII chủ trương phát huy tính tích cực của Nhân dân vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội: “*phát huy tính tích cực chính trị - xã hội, trí tuệ, quyền và trách nhiệm của Nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức; động viên nhân dân tham gia phát triển kinh tế; góp phần quản lý xã hội; xây dựng, quản lý, thụ hưởng văn hóa; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, ngoại giao nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân*” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021a: 173-174). Cũng lần đầu tiên,

Đại hội XIII đưa việc khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trở thành một trong 6 nhiệm vụ trọng tâm và một trong 3 đột phá chiến lược của nhiệm kỳ Đại hội XIII. Điều này phản ánh nhận thức mới của Đảng về sức mạnh nội sinh của dân tộc và phương thức phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Thứ năm, phương châm thực hành dân chủ được bổ sung nội hàm mới. Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa và vừa là mục tiêu, vừa là động lực cách mạng; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu của đổi mới chính trị ở Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định: nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân vì dân là chủ; Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là chủ. Điều đó nghĩa là: dân là chủ sở hữu của toàn bộ quyền lực; quyền lãnh đạo của Đảng và quyền quản lý của Nhà nước là do nhân dân ủy thác; cán bộ, đảng viên không được biến quyền dân trao thành quyền lực cá nhân mà phải dùng cái quyền được ủy thác đó để phụng sự lợi ích của nhân dân, thừa hành ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Để phát huy quyền làm chủ của dân và nâng cao hiệu quả của công tác vận động quần chúng, ngày 28 - 11 - 1984, Ban Bí thư Trung ương Đảng

khóa V đã ban hành *Chỉ thị số 53-CT/TW Về tăng cường công tác quần chúng của Đảng*, trong đó nhấn mạnh: “phải thực sự tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện tốt khẩu hiệu “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” trong sản xuất, phân phối cũng như trong tất cả các công tác quan hệ trực tiếp đến quần chúng” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2006a: 428-429). Với văn kiện này, “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trở thành phương châm thực hành dân chủ ở Việt Nam. Ở tầm Đại hội, văn kiện Đại hội Đảng VI khẳng định: “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*, đó là nền nếp hàng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ nhân dân lao động tự quản lý nhà nước của mình” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2006b: 446). Sau nhiều lần nhấn mạnh yêu cầu phải xây dựng cơ chế, thể chế bảo đảm cho việc thực hiện phương châm đề ra, ngày 18 - 2 - 1998, Bộ Chính trị Trung ương khóa VIII đã ban hành *Quy chế dân chủ cơ sở*. Đề cao hơn nữa vai trò của dân chủ, tại Đại hội XII, lần đầu tiên “*phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa*” trở thành một thành tố trong tiêu đề của *Báo cáo Chính trị*. Đại hội XII còn nói rõ nhân dân có quyền “tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc

sống của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2016: 169).

Đại hội XIII đánh dấu một bước chuyển lớn trong nhận thức của Đảng về phương châm thực hành dân chủ khi bổ sung thêm nội hàm mới là “*dân giám sát, dân thụ hưởng*”. *Hiến pháp năm 2013* đã quy định rõ về việc Đảng phải chịu *sự giám sát của nhân dân* và chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. Khi Đại hội XIII khẳng định *quyền giám sát của dân* tức là thừa nhận dân có quyền theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. “*Dân thụ hưởng*” tức là nhân dân được nhận, thụ hưởng các thành quả, kết quả mà các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật mang lại sau quá trình thực hiện. Việc bổ sung nội dung “*Dân thụ hưởng*” không chỉ góp phần củng cố lòng tin của Nhân dân vào Đảng, vào chế độ mà còn tạo động lực để khơi dậy sức mạnh vô tận của nhân dân trong quá trình đưa chủ trương, quyết sách của Đảng vào cuộc sống. Việc tạo ra các bước đi đầy đủ (“biết”, “bàn”, “làm”, “kiểm tra”, “giám sát”, “thụ hưởng”) để bảo đảm quyền làm chủ thực sự của nhân dân đã thể hiện sự phát triển trong tư duy lý luận

của Đảng về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ sáu, cơ chế “Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” được phát triển thành một mối quan hệ lớn thể hiện quy luật phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cụm từ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” xuất hiện từ Đại hội V (năm 1982) và Đại hội Đảng VI xác định đó là “cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2006b: 443). Từ đây, cụm từ “Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” được tái hiện trong rất nhiều văn kiện Đảng sau này. Sau 25 năm Đổi mới, từ Đại hội XI, Đảng xác định “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” là *một trong các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.* Việc gọi đây là *mối quan hệ* chứ không chỉ là cơ chế vận hành tổng quát của hệ thống chính trị ở Việt Nam thể hiện Đảng đã xác định rõ *mối quan hệ chính trị - pháp lý* giữa 3 chủ thể: Đảng là chủ thể lãnh đạo, Nhà nước là chủ thể quản lý, nhân dân là chủ thể quyền lực. Mỗi chủ thể có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau nhưng đều có mục tiêu chung là đảm bảo quyền làm chủ và lợi ích của nhân dân; do đó, giữa các chủ

thể tồn tại mối quan hệ vừa có tính độc lập, vừa có tính liên kết để tạo nên sự thống nhất của thiết chế dân chủ Việt Nam.

4. Kết luận

Sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam đã bắt đầu bằng việc đổi mới tư duy lý luận. Nhờ đó, sau 35 năm đổi mới, “lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021a: 103). Nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc của Đảng về nhân dân và sức mạnh của nhân dân đã thể hiện và góp phần vào sự trưởng thành trong tư duy lý luận của Đảng. Tuy nhiên, trước diễn biến nhanh chóng, khó lường của thế giới hiện đại, Đảng phải tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, tổng kết thực tiễn để lý luận có khả năng khai thông “điểm nghẽn về tư duy” và vượt trước, dẫn đường cho thực tiễn. Vì thế, tất yếu trong tương lai, nhận thức lý luận của Đảng về nhân dân sẽ có bước phát triển mới để trên cơ sở đó, sức mạnh vô tận của nhân dân được khai phóng và niềm tin, mối quan hệ giữa Đảng và dân tiếp tục được củng cố nhằm tạo ra sức mạnh nội sinh to lớn cho việc thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra./.

Tài liệu trích dẫn

1. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995. *Toàn tập*, tập 19. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2006a. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 45. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2006b. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 47. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2006c. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 49. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2007a. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 51. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2007b. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 53. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2015a. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 55. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2015b. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 58. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2016a. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 60. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2016. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021a. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021b. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
14. Hồ Chí Minh. 2011a. *Toàn tập*, tập 5. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
15. Hồ Chí Minh. 2011b. *Toàn tập*, tập 7. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
16. Hồ Chí Minh. 2011c. *Toàn tập*, tập 8. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
17. Hồ Chí Minh. 2011d. *Toàn tập*, tập 10. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
18. Hồ Chí Minh. 2011e. *Toàn tập*, tập 12. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
19. Hồ Chí Minh. 2011f. *Toàn tập*, tập 15. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
20. Nguyễn Phú Trọng. 2022. *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
21. V.I.Lênin. 1974. *Toàn tập*, tập 2. Mátxcova. Nxb. Tiến bộ.
22. V.I.Lênin. 1976. *Toàn tập*, tập 33. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.
23. V.I.Lênin. 1977. *Toàn tập*, tập 39. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.
24. V.I. Lênin. 1978. *Toàn tập*, tập 44. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.